

Số: 25/BB-ĐHĐCĐTN

Phú Thọ, ngày 11 tháng 6 năm 2026

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

**I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Tên Công ty: Công ty cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao.

Trụ sở chính: xã Hoàng Cương, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210 3884 927              Fax: 0210 3884 929.

Mã số doanh nghiệp: 2600279082

**II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM HỌP**

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao được tổ chức vào hồi 08h30 phút, ngày 11/6/2026 tại Hội trường, Công ty cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao, xã Hoàng Cương, tỉnh Phú Thọ.

**III. THÀNH PHẦN THAM DỰ**

Thành viên Hội đồng quản trị, Nhóm người đại diện phần vốn VICEM, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty, các khách mời tham dự Đại hội, các Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao.

**IV. CƠ CẤU NHÂN SỰ ĐOÀN CHỦ TỊCH VÀ CÁC BAN GIÚP VIỆC TẠI ĐẠI HỘI**

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% Cổ đông có mặt tán thành. Cụ thể như sau:

**1. Đoàn Chủ tịch:**

- |                         |                      |            |
|-------------------------|----------------------|------------|
| - Ông Nguyễn Thanh Tùng | Chủ tịch HĐQT        | Chủ tọa ĐH |
| - Ông Nguyễn Quang Huy  | Thành viên HĐQT, TGD | Thành viên |

**2. Ban Thư ký:**

- |                         |               |            |
|-------------------------|---------------|------------|
| - Bà Đoàn Thị Thanh Tâm | Thư ký HĐQT   | Tổ trưởng  |
| - Bà Trần Thị Lương     | NV phòng TCHC | Thành viên |

**3. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

- |                         |                        |            |
|-------------------------|------------------------|------------|
| - Ông Lê Quang Dũng     | Trưởng Ban AT&MT       | Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Trung Kiên | Chuyên viên Phòng TCHC | Thành viên |
| - Ông Chu Văn Quang     | Chuyên viên Phòng TCKT | Thành viên |

#### **4. Ban Kiểm phiếu**

- |                         |                        |            |
|-------------------------|------------------------|------------|
| - Ông Lê Quang Dũng     | Trưởng Ban AT&MT       | Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Trung Kiên | Chuyên viên Phòng TCHC | Thành viên |
| - Ông Chu Văn Quang     | Chuyên viên phòng TCKT | Thành viên |

#### **V. ĐIỀU KIỆN ĐỂ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông Ông Lê Quang Dũng báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026, tại thời điểm khai mạc 08h30 phút ngày 11 tháng 6 năm 2026, Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Pháp luật hiện hành với cơ cấu cổ đông như sau:

- Số lượng Cổ đông tham dự và Cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là 03 Cổ đông, đại diện cho 63.940.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, trong đó:
  - Số Cổ đông tham dự trực tiếp là 01 Cổ đông, đại diện cho 300.000 cổ phần, chiếm 0,47% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
  - Số Cổ đông ủy quyền là 02 Cổ đông, đại diện cho 63.640.000 cổ phần, chiếm 99,53% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

#### **VI. NỘI DUNG PHIÊN HỌP**

**1. Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Kiểm phiếu** đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

**2. Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội** đã được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

**3. Quy chế làm việc** đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

**4. Các Báo cáo và Tờ trình do Thành viên đoàn chủ tịch trình bày tại Đại hội:**

4.1. Báo cáo số 86/BC-HĐQT ngày 11/5/2026 về hoạt động quản lý, giám sát của HĐQT năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;

4.2. Báo cáo số 03/BC-BKS ngày 11/5/2026 về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;

4.3. Báo cáo số 34/BC-XMST ngày 03/3/2026 về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty;

4.4. Báo cáo số 85/BC-HĐQT ngày 11/5/2026 về kết quả thực hiện hợp đồng gia công xi măng Vicem Hải Phòng năm 2025; Ký phụ lục hợp đồng gia công xi măng Vicem Hải Phòng năm 2026;

4.5. Tờ trình số 24/TTr-HĐQT ngày 11/5/2026 V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025;



4.6. Tờ trình số 25/TTr-HĐQT ngày 11/5/2026 V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025;

4.7. Tờ trình 02/TTr-BKS ngày 11/5/2026 V/v: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2026;

4.8. Tờ trình số 26/TTr-HĐQT ngày 11/5/2026 V/v: Thông qua mức trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026;

4.9. Tờ trình số 31/TTr-HĐQT ngày 09/6/2026 V/v: Sửa đổi điều lệ công ty;

**5. Thảo luận tại Đại hội:** Chủ tọa mời các Cổ đông tham gia ý kiến đối với các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội. Ý kiến của cổ đông về các báo cáo và tờ trình tại Đại hội:

Đại hội đã thống nhất cao các nội dung trình bày tại Đại hội và không có ý kiến gì khác.

Đến 10 giờ 55 phút (thời điểm biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình tại Đại hội) Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tại Đại hội số lượng cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự là 03 cổ đông, đại diện cho 63.940.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

## **6. Phần bầu cử:**

### **6.1. Thông qua việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022-2027**

Đại hội đã xem xét Tờ trình số 29/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022-2027.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 29/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 về việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 với 63.940.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

### **6.2. Thông qua danh sách nhân sự ứng cử, đề cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022-2027**

Đại hội đã xem xét Tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua nhân sự được Tổng công ty Xi măng Việt Nam đề cử tham gia Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022-2027.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua danh sách nhân sự được đề cử tham gia Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với 63.940.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

### **6.3. Thực hiện bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022-2027**

Căn cứ Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội là 63.940.000 cổ phần. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung là 02 người. Tổng số phiếu bầu tương ứng là 127.880.000 phiếu bầu.

Ban Kiểm phiếu đã tiến hành phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu theo đúng Quy chế bầu cử đã được Đại hội thông qua và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội, cụ thể như sau:

| STT | Họ và tên             | Tổng số phiếu bầu    |
|-----|-----------------------|----------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Tiến Thành | 63.940.000 phiếu bầu |
| 2   | Ông Nguyễn Ngọc Xuân  | 63.940.000 phiếu bầu |

Căn cứ kết quả kiểm phiếu và nguyên tắc xác định người trúng cử theo Quy chế bầu cử, Đại hội đồng cổ đông xác nhận các ông có tên sau đây trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao nhiệm kỳ 2022-2027:

| STT | Họ và tên             |
|-----|-----------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Tiến Thành |
| 2   | Ông Nguyễn Ngọc Xuân  |

## VII. NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Sau khi xem xét các Báo cáo, Tờ trình và thảo luận các vấn đề liên quan, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

**1. Thông qua kết quả hoạt động quản lý, giám sát của HĐQT năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 theo nội dung Báo cáo số 86/BC-HĐQT ngày 11/5/2026** với 63.940.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

**2. Thông qua kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 theo nội dung Báo cáo số 03/BC-BKS ngày 11/5/2026** với 63.940.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

**3. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty theo nội dung Báo cáo số 34/BC-XMST ngày 03/3/2026** với 63.940.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, một số chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

**3.1 Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2025**



### 3.1.1 Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025

| TT       | Nội dung                                                 | ĐVT        | TH năm 2024      | KH năm 2025      | TH năm 2025      |
|----------|----------------------------------------------------------|------------|------------------|------------------|------------------|
| <b>I</b> | <b>Sản lượng sản xuất sản phẩm chính</b>                 |            |                  |                  |                  |
| 1.1      | Clinker                                                  | Tấn        | 756.285          | 870.000          | 850.649          |
| 1.2      | Xi măng (bao gồm gia công)                               | Tấn        | 824.237          | 1.070.000        | 1.033.600        |
| a)       | <i>Xi măng tự sản xuất</i>                               | Tấn        | 815.814          | 1.070.000        | 1.027.628        |
|          | <i>Trong đó nhận gia công cho Vicem Hải Phòng</i>        | Tấn        | 785.718          | 415.000          | 407.789          |
| <b>2</b> | <b>Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chính</b>                 | <b>Tấn</b> | <b>1.050.372</b> | <b>1.192.000</b> | <b>1.162.290</b> |
| 2.1      | Clinker                                                  | Tấn        | 214.583          | 132.000          | 131.051          |
| 2.2      | Xi măng (bao gồm gia công)                               | Tấn        | 835.789          | 1.060.000        | 1.031.239        |
| a)       | <i>Tự tiêu thụ</i>                                       | Tấn        | 50.072           | 645.000          | 623.449          |
|          | <i>Trong đó đặt gia công tại Vicem Tam Điệp, Bút Sơn</i> | Tấn        | 8.423            |                  | 5.972            |
| b)       | <i>Nhận gia công cho Vicem Hải Phòng</i>                 | Tấn        | 785.718          | 415.000          | 407.789          |
| 3        | Doanh thu thuần, khác                                    | Triệu đồng | 907.758          | 1.069.823        | 1.023.472        |
| 4        | Lợi nhuận trước thuế                                     | Triệu đồng | -59.980          | 10.000           | 11.280           |
| 5        | Lợi nhuận sau thuế                                       | Triệu đồng | -59.980          | 10.000           | 11.273           |
| 6        | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu           | %          | -9,38            | 1,56             | 1,76             |
| 7        | Nộp NSNN                                                 | Triệu đồng | 29.135           | 33.534           | 33.457           |
| 8        | Tỷ lệ trả cổ tức                                         | %          | 0                | 0                | 0                |

### 3.1.2 Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng năm 2025:

7/

| TT        | Nội dung                                                         | TMĐT<br>(Tr.đồng) | Tiến độ<br>thực hiện | KH năm<br>2025<br>(Tr.đồng) | Thực hiện<br>năm 2025<br>(Tr. đồng) |
|-----------|------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Giá trị thực hiện đầu tư</b>                                  |                   |                      | <b>18.386</b>               | <b>5.019</b>                        |
| <b>1</b>  | <b>Dự án nhóm A</b>                                              |                   |                      |                             |                                     |
| <b>2</b>  | <b>Dự án nhóm B</b>                                              |                   |                      | <b>5.837</b>                | <b>4.462</b>                        |
| 2.1       | Dự án: Mở rộng mỏ đá<br>vôi Ninh Dân                             | 426.867           | 2025-2027            | 2.021                       | 2.184                               |
| 2.2       | Dự án: Tận dụng nhiệt<br>khí thải để phát điện                   | 230.228           | 2025-2027            | 3.816                       | 2.278                               |
| <b>3</b>  | <b>Dự án nhóm C</b>                                              |                   |                      | <b>12.549</b>               | <b>557</b>                          |
| 3.1       | Dự án: Mỏ Caosilic<br>Hoàng Cương                                | 47.470            | 2028-2029            | 0                           | 19                                  |
| 3.2       | Dự án: Cải tạo hệ thống<br>lọc bụi 12/16.19 thành<br>lọc bụi túi | 39.199            | 2025-2027            | 12.299                      | 430                                 |
| 3.3       | Dự án: Khai thác xuống<br>sâu - Mỏ đá vôi Ninh<br>Dân            | 27.620            | 2028-2029            | 250                         | 108                                 |
| <b>II</b> | <b>Giá trị thanh toán</b>                                        |                   |                      | <b>42.292</b>               | <b>2.029</b>                        |
| <b>1</b>  | <b>Dự án nhóm A</b>                                              |                   |                      |                             |                                     |
| <b>2</b>  | <b>Dự án nhóm B</b>                                              |                   |                      | <b>29.764</b>               | <b>1.871</b>                        |
| 2.1       | Dự án: Mở rộng mỏ đá<br>vôi Ninh Dân                             | 426.867           | 2025-2027            | 2.018                       | 880                                 |
| 2.2       | Dự án: Tận dụng nhiệt<br>khí thải để phát điện                   | 230.228           | 2025-2027            | 27.746                      | 991                                 |
| <b>3</b>  | <b>Dự án nhóm C</b>                                              |                   |                      | <b>12.528</b>               | <b>158</b>                          |
| 3.1       | Dự án: Mỏ Caosilic<br>Hoàng Cương                                | 47.470            | 2028-2029            | 139                         | 158                                 |
| 3.2       | Dự án: Cải tạo hệ thống<br>lọc bụi 12/16.19 thành<br>lọc bụi túi | 39.199            | 2025-2027            | 12.309                      | 0                                   |
| 3.3       | Dự án: Khai thác xuống<br>sâu - Mỏ đá vôi Ninh<br>Dân            | 27.620            | 2028-2029            | 80                          | 0                                   |

### 3.2 Kế hoạch năm 2026

7

### 3.2.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

| TT       | Các chỉ tiêu chủ yếu                              | ĐVT        | Thực hiện năm 2025 | KH năm 2026      |
|----------|---------------------------------------------------|------------|--------------------|------------------|
| <b>1</b> | <b>Sản lượng sản xuất sản phẩm chính</b>          |            |                    |                  |
| 1.1      | Clinker                                           | Tấn        | 850.649            | 886.000          |
| 1.2      | Xi măng (bao gồm gia công)                        | Tấn        | 1.033.600          | 1.135.000        |
| a)       | <i>Xi măng tự sản xuất</i>                        | <i>Tấn</i> | <i>1.027.628</i>   | <i>1.115.000</i> |
|          | <i>Trong đó nhận gia công cho Vicem Hải Phòng</i> | <i>Tấn</i> | <i>407.789</i>     | <i>353.000</i>   |
| b)       | <i>Xi măng đặt gia công (mua ngoài)</i>           | <i>Tấn</i> | <i>5.972</i>       | <i>20.000</i>    |
| <b>2</b> | <b>Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chính</b>          | Tấn        | 1.162.290          | 1.225.000        |
| 2.1      | Clinker                                           | Tấn        | 131.051            | 95.000           |
| 2.2      | Xi măng (bao gồm gia công)                        | Tấn        | 1.031.239          | 1.130.000        |
| a)       | <i>Tự tiêu thụ</i>                                | <i>Tấn</i> | <i>623.449</i>     | <i>777.000</i>   |
|          | <i>Trong đó đặt gia công tại Vicem Tam Điệp</i>   | <i>Tấn</i> | <i>5.972</i>       | <i>20.000</i>    |
| b)       | <i>Nhận gia công cho Vicem Hải Phòng</i>          | <i>Tấn</i> | <i>407.789</i>     | <i>353.000</i>   |
| 3        | Doanh thu thuần, khác                             | Triệu đồng | 1.023.472          | 1.102.565        |
| 4        | Lợi nhuận trước thuế                              | Triệu đồng | 11.280             | 15.703           |
| 5        | Lợi nhuận sau thuế                                | Triệu đồng | 11.273             | 15.703           |
| 6        | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu    | %          | 1,76               | 2,46             |
| 7        | Nộp NSNN                                          | Triệu đồng | 33.457             | 37.157           |
| 8        | Tỷ lệ trả cổ tức                                  | %          | 0                  | 0                |

Ghi chú: Lợi nhuận kế hoạch năm 2026 của Công ty tại các chỉ tiêu 4,5,6 chưa tính chênh lệch tỷ giá.



### 3.2. Các chỉ tiêu chủ yếu về ĐTXD năm 2026:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Tên dự án                                      | Giai đoạn | Trạng thái | Nhóm DA | Tổng mức đầu tư | Giá trị TH năm 2025 | Lũy kế giá trị TH từ đầu đến hết năm 2025 | Thanh toán năm 2025 | Lũy kế thanh toán từ đầu hết năm 2025 | Kế hoạch năm 2026         |          |          |         |                         |                         |                             |                |           |          |
|----|------------------------------------------------|-----------|------------|---------|-----------------|---------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------|---------------------------|----------|----------|---------|-------------------------|-------------------------|-----------------------------|----------------|-----------|----------|
|    |                                                |           |            |         |                 |                     |                                           |                     |                                       | KẾ hoạch khối lượng       |          |          |         | Ke hoạch vốn thanh toán |                         |                             |                |           |          |
|    |                                                |           |            |         |                 |                     |                                           |                     |                                       | Tổng số                   | Xây dựng | Thiết bị | Khác    | Trả nợ năm trước        | Thanh toán năm kế hoạch | Cơ cấu nguồn vốn            |                |           |          |
|    |                                                |           |            |         |                 |                     |                                           |                     |                                       |                           |          |          |         |                         |                         | Tổng số                     | Vay trong nước | Vốn tự có | Vốn khác |
|    | (2)                                            |           |            |         | (3)             | (4)                 | (5)                                       | (6)                 | (7)                                   | (8)-<br>(9)+(10)<br>+(11) | (9)      | (10)     | (11)    | (12)                    | (13)                    | (14)-<br>(15)+(16)<br>+(17) | (13)           | (16)      | (17)     |
|    | VICEM SÔNG THAO (09 dự án)                     |           |            |         | 1.136.271       | 5.019               | 14.782                                    | 2.029               | 10.867                                | 163.996                   | 24.826   | 28.480   | 110.690 | 1.103                   | 100.885                 | 101.988                     | 63.985         | 38.003    | 0        |
|    | Dự án nhóm B                                   |           |            |         | 957.095         | 4.462               | 14.086                                    | 1.871               | 10.709                                | 132.074                   | 23.620   | 7.679    | 100.775 | 921                     | 89.477                  | 90.398                      | 60.460         | 29.938    | 0        |
| 1  | Đầu tư dây chuyền nghiền xi măng 80T/h         | CB        | M          | B       | 300.000         | 0                   | 0                                         | 0                   | 0                                     | 400                       | 0        | 0        | 400     | 0                       | 0                       | 0                           | 0              | 0         | 0        |
| 2  | ĐTXD mở rộng mỏ đá vôi Ninh Dân                | CB        | CT         | B       | 426.867         | 2.184               | 10.637                                    | 880                 | 9.010                                 | 3.538                     | 0        | 0        | 3.538   | 337                     | 3.689                   | 4.026                       | 0              | 4.026     | 0        |
| 3  | Tận dụng nhiệt klú thải để phát điện           | TH        | CT         | B       | 230.228         | 2.278               | 3.449                                     | 991                 | 1.699                                 | 128.136                   | 23.620   | 7.679    | 96.837  | 584                     | 85.788                  | 86.372                      | 60.460         | 25.912    | 0        |
|    | Dự án nhóm c                                   |           |            |         | 179.176         | 557                 | 696                                       | 158                 | 158                                   | 31.922                    | 1.206    | 20.801   | 9.915   | 182                     | 11.408                  | 11.590                      | 3.525          | 8.065     | 0        |
| 4  | Kho chứa nguyên liệu, hàng hóa tổng hợp        | CB        | M          | C       | 11.600          | 0                   | 0                                         | 0                   | 0                                     | 556                       | 0        | 0        | 556     | 0                       | 464                     | 464                         | 0              | 464       | 0        |
| 5  | Điện mặt trời mái nhà - NMXM VICEM Sông Thao   | CB        | M          | C       | 39.359          | 0                   | 0                                         | 0                   | 0                                     | 777                       | 0        | 0        | 777     | 0                       | 704                     | 704                         | 0              | 704       | 0        |
| 6  | Đầu tư xây dựng silo xi măng 2.000 tấn         | CB        | M          | C       | 14.893          | 0                   | 0                                         | 0                   | 0                                     | 547                       | 0        | 0        | 547     | 0                       | 383                     | 383                         | 0              | 383       | 0        |
| 7  | Cải tạo hệ thống lọc bụi công đoạn nghiền liệu | CB        | CT         | C       | 38.228          | 430                 | 430                                       | 0                   | 0                                     | 23.140                    | 1.206    | 20.801   | 1.133   | 182                     | 4.854                   | 5.036                       | 3.525          | 1.511     | 0        |
| 8  | Khai thác xuống sâu mỏ đá vôi Ninh Dân         | CB        | CT         | C       | 27.620          | 108                 | 108                                       | 0                   | 0                                     | 0                         | 0        | 0        | 0       | 0                       | 108                     | 108                         | 0              | 108       | 0        |
| 9  | Mỏ Caosilic Hoàng Cương                        | CB        | CT         | C       | 47.476          | 19                  | 158                                       | 158                 | 158                                   | 6.902                     | 0        | 0        | 6.902   | 0                       | 4.895                   | 4.895                       | 0              | 4.895     | 0        |

Ghi chú:

Ký hiệu các giai đoạn dự án: CB: Chuẩn bị dự án; TH: thực hiện dự án; KT: Kết thúc xây dựng, đưa công trình dự án vào khai thác sử dụng. Ký hiệu trạng thái kế hoạch của dự án: CT: dự án chuyển tiếp từ năm trước sang; M: dự án mới trong năm kế hoạch.



**4. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng gia công xi măng Vicem Hải Phòng năm 2025 Ký phụ lục hợp đồng gia công xi măng Vicem Hải Phòng năm 2026, theo nội dung Báo cáo số 85/BC-HĐQT ngày 11/5/2026 với 12.285.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội. Trong đó:**

- Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Ban điều hành tiếp tục thực hiện Hợp đồng gia công xi măng VICEM Hải Phòng theo hợp đồng số 111/2019/HĐNT/XMST ngày 27/6/2019 và ký Phụ lục hợp đồng cho năm 2026, thực hiện quyết toán phụ lục hợp đồng gia công hàng năm theo đúng các quy định pháp luật hiện hành, và đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hàng năm, Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về tình hình triển khai, thực hiện công tác gia công xi măng Hải Phòng của năm kế hoạch và định hướng công tác gia công xi măng Hải Phòng năm tiếp theo.

**5. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 theo nội dung Tờ trình số 24/TTr-HĐQT ngày 11/5/2026 với 63.940.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.**

**6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 theo nội dung Tờ trình số 25/TTr-HĐQT ngày 11/5/2026 với 63.940.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.**

**7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026 theo nội dung Tờ trình 02/TTr-BKS ngày 11/5/2026 với 63.940.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.**

**8. Thông qua mức trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026 theo nội dung Tờ trình số 26/TTr-HĐQT ngày 11/5/2026 với 63.940.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.**

**9. Thông qua sửa đổi điều lệ Công ty theo nội dung Tờ trình số 31/TTr-HĐQT ngày 09/6/2026. với 63.940.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.**

**10. Thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 theo nội dung Tờ trình số 29/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 với 63.940.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.**

11. Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT công ty, nhiệm kỳ 2022-2027 với 63.940.000 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội. cụ thể như sau:

| STT | Họ và tên             | Tổng số phiếu bầu    |
|-----|-----------------------|----------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Tiến Thành | 63.940.000 phiếu bầu |
| 2   | Ông Nguyễn Ngọc Xuân  | 63.940.000 phiếu bầu |

**VIII. PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 KẾT THÚC VÀO HỒI 12 GIỜ 05 PHÚT CÙNG NGÀY.**

Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Biên bản gồm 10 trang, được lập thành 03 bản, lưu Hồ sơ văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tại Văn phòng Công ty 01 bản, lưu Văn thư 01 bản, lưu Ban thư ký 01 bản.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 sẽ được lập thành văn bản và thông báo đến toàn thể Cổ đông theo quy định của Pháp luật.

**ĐOÀN CHỦ TỊCH**

Chủ tọa



Nguyễn Thanh Tùng

Thành viên

Nguyễn Quang Huy

**BAN THƯ KÝ**

Tổ trưởng

Đoàn Thị Thanh Tâm

Thành viên

Trần Thị Lương